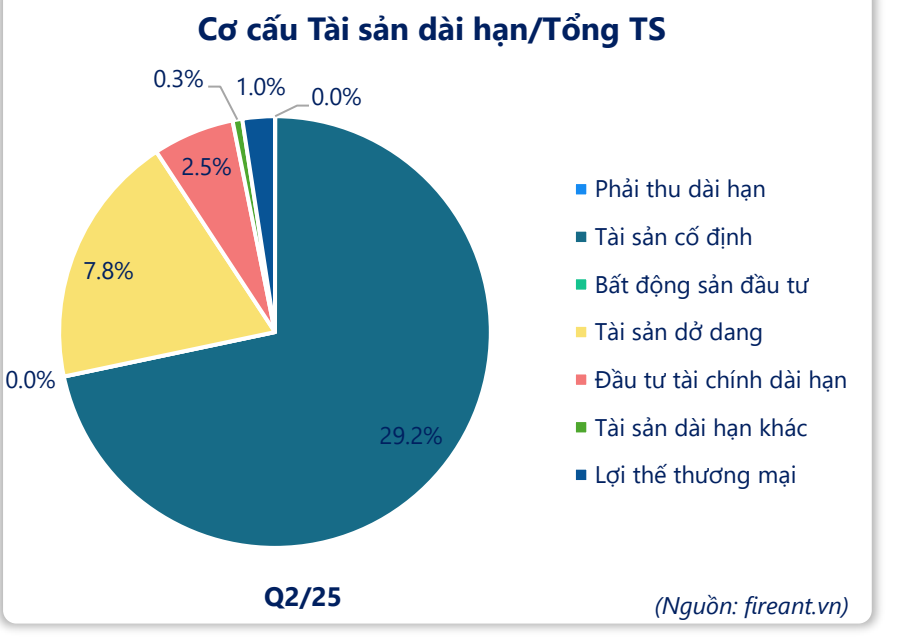
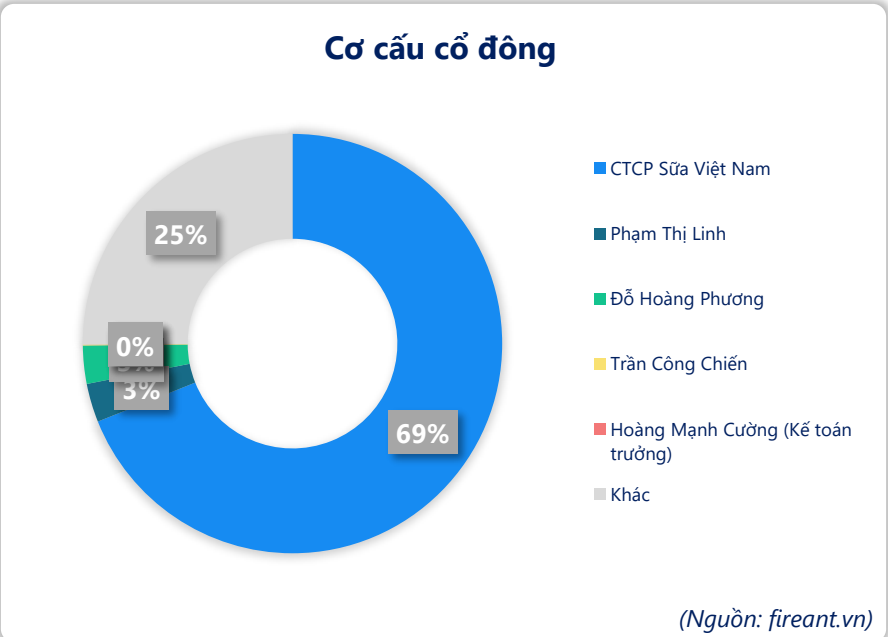
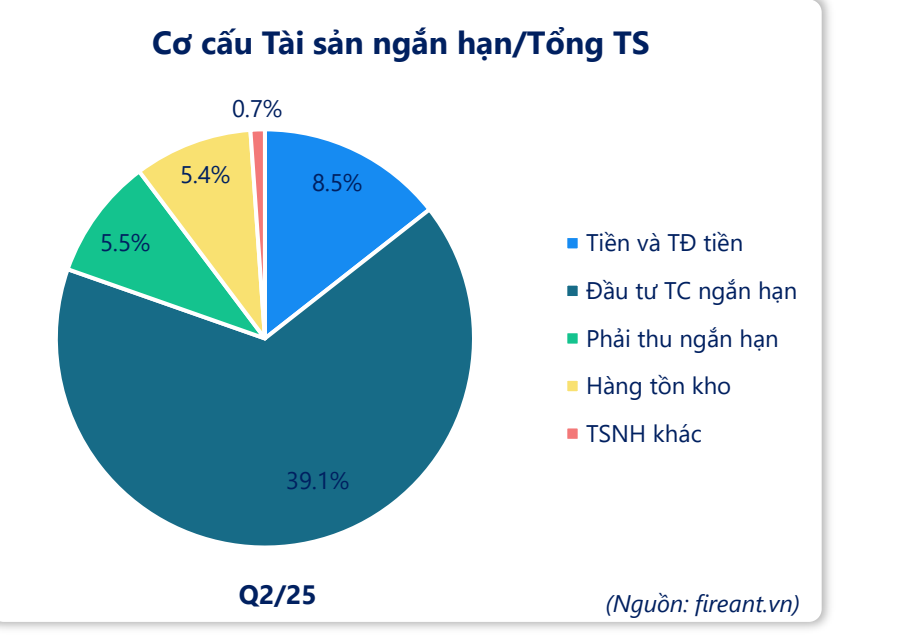
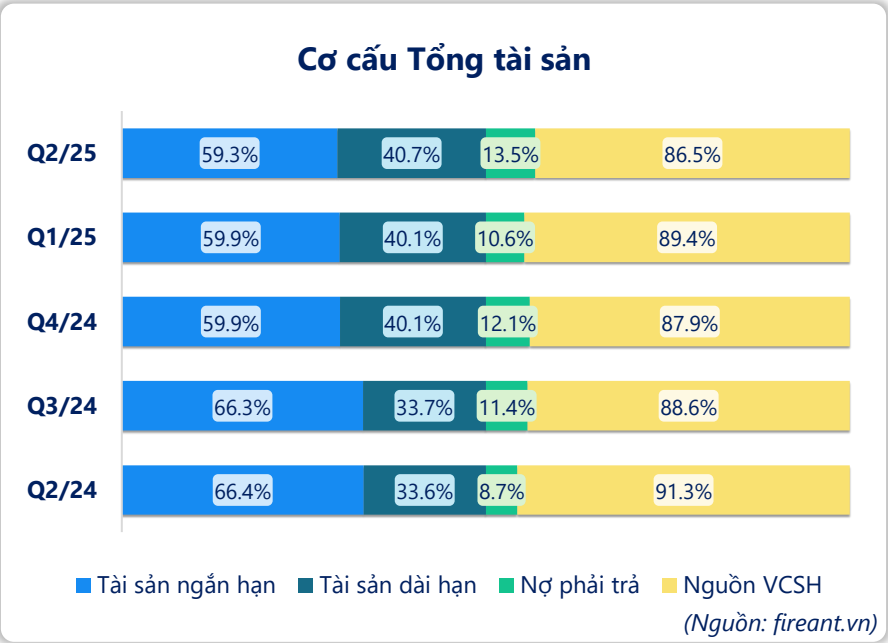
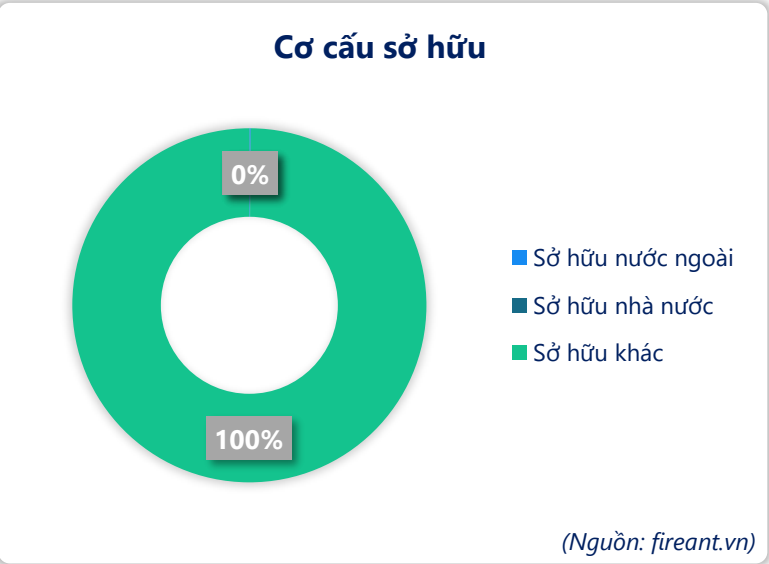
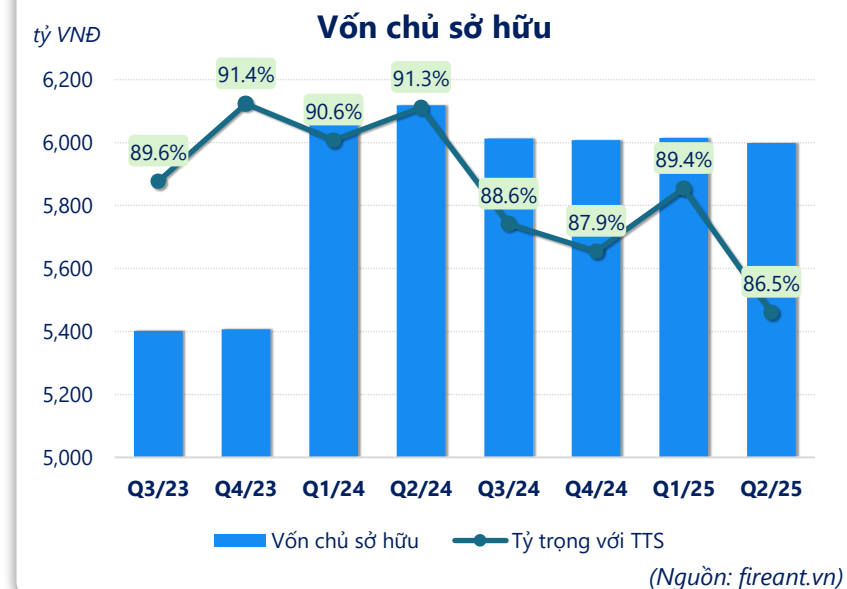
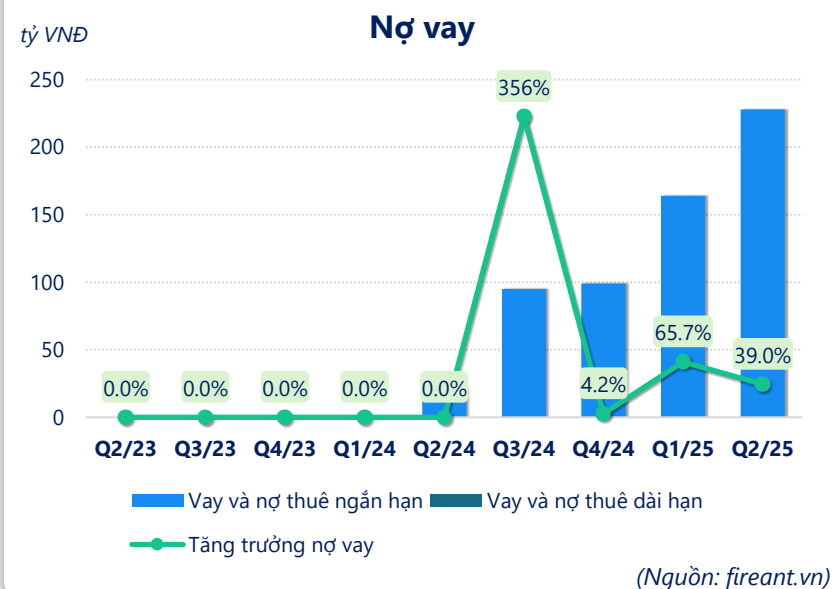
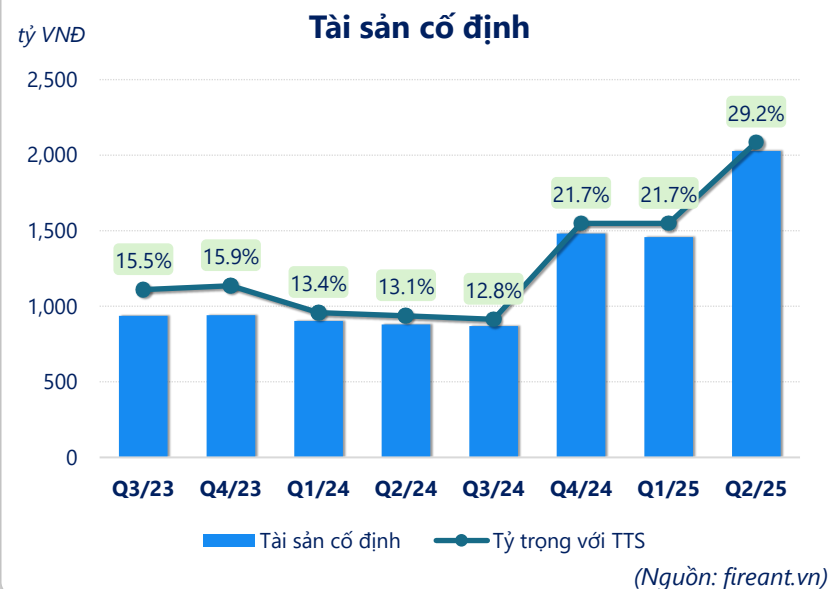
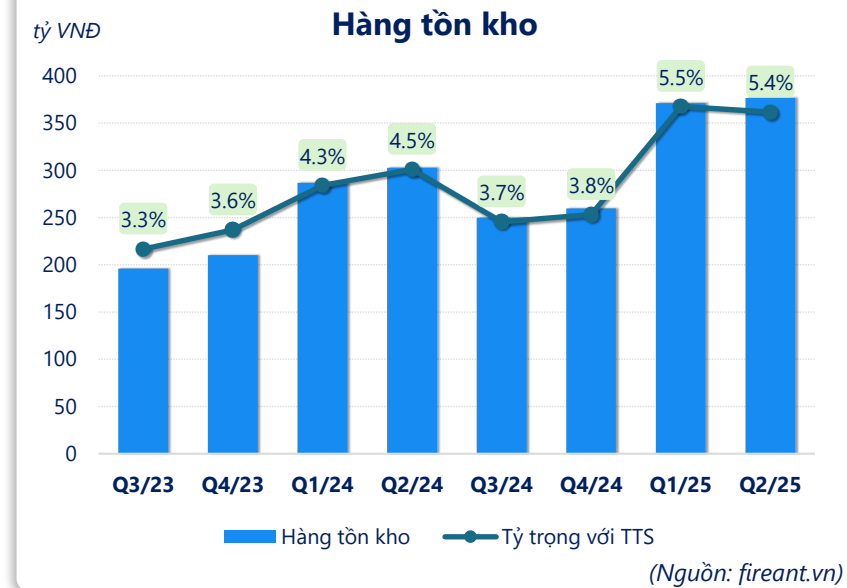
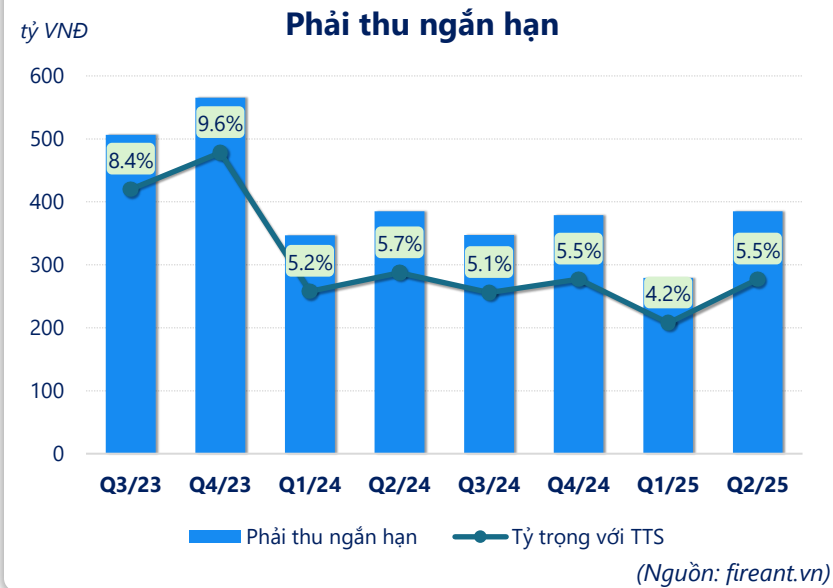
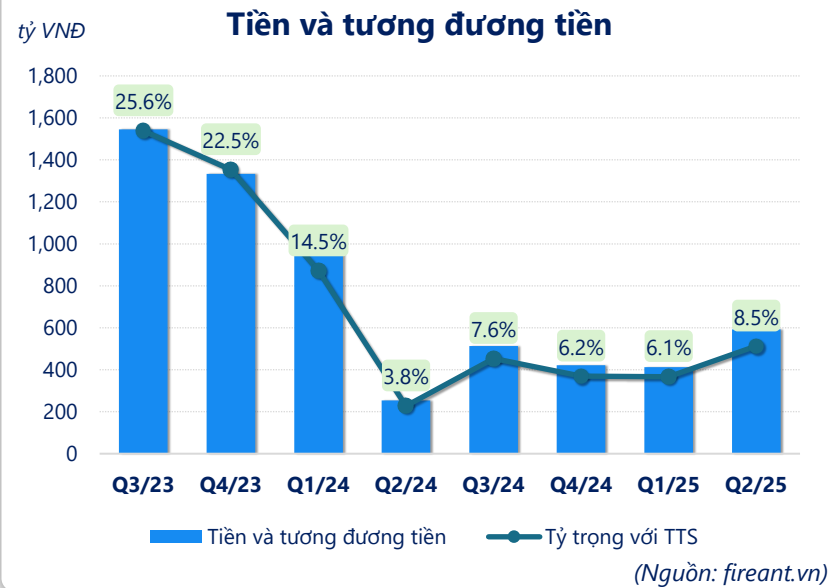
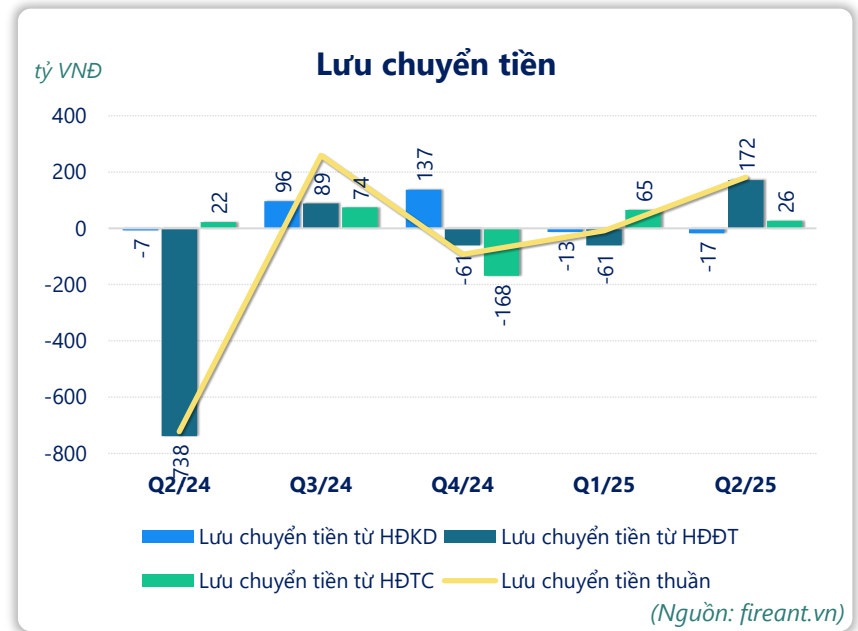
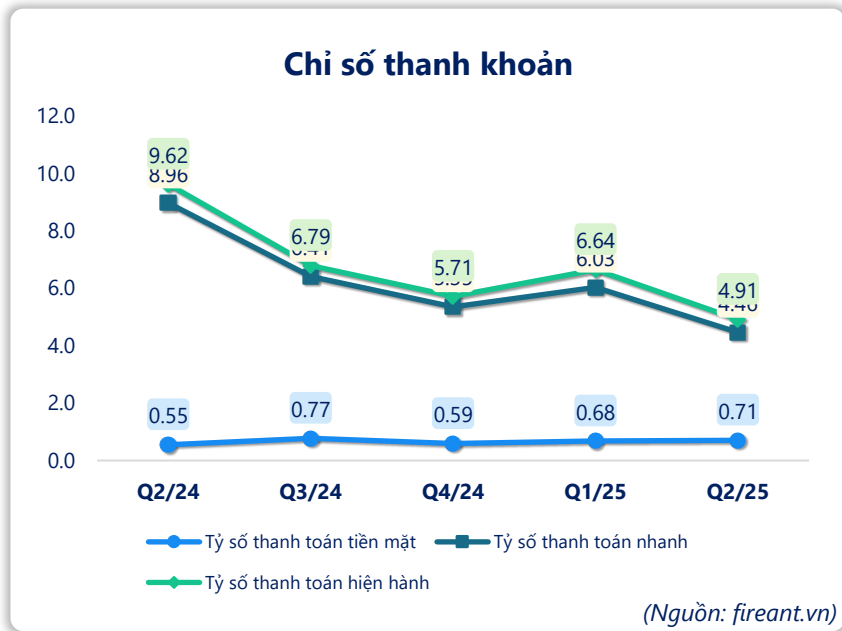
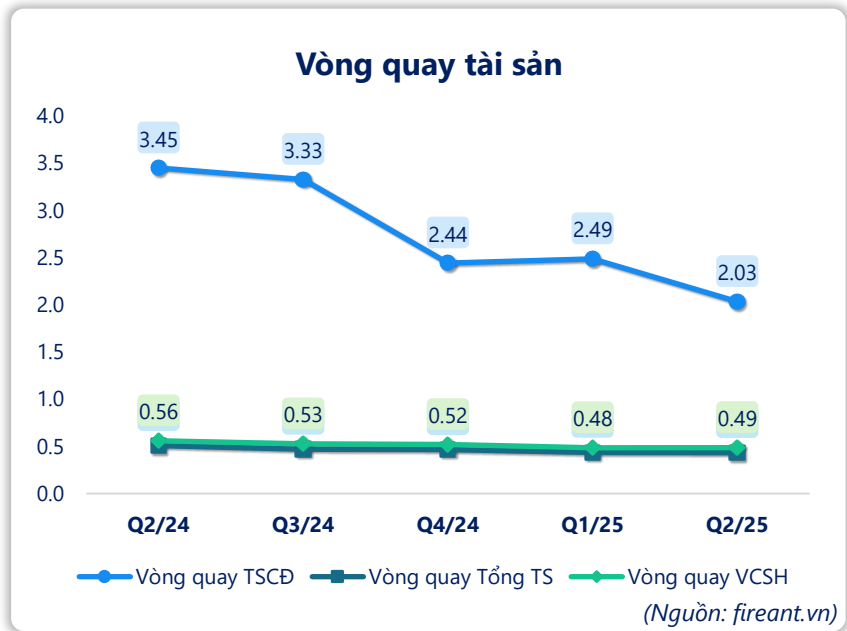
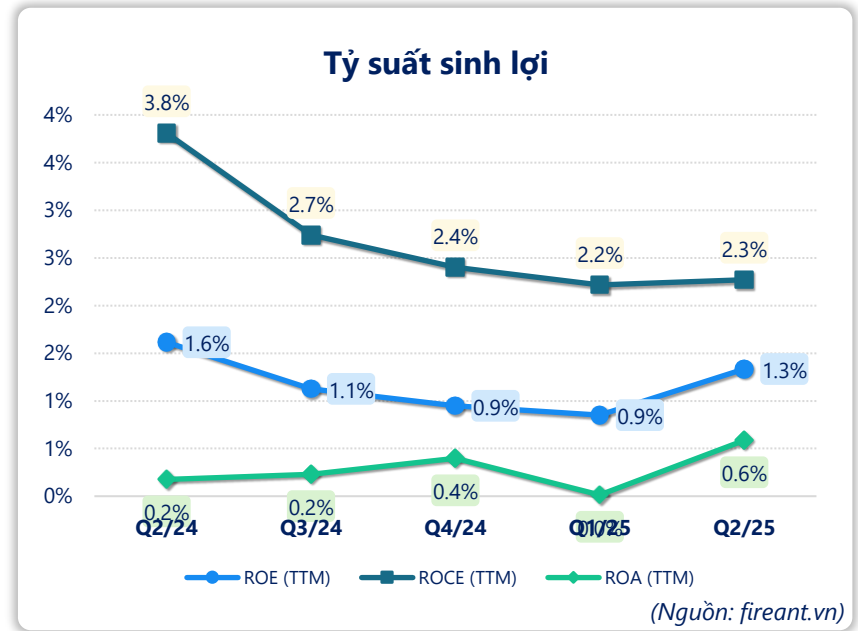
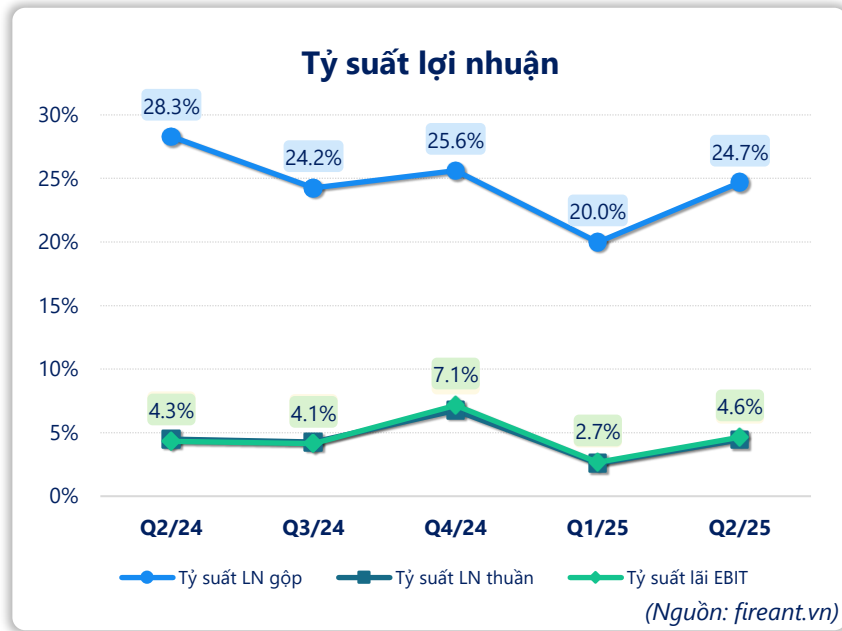
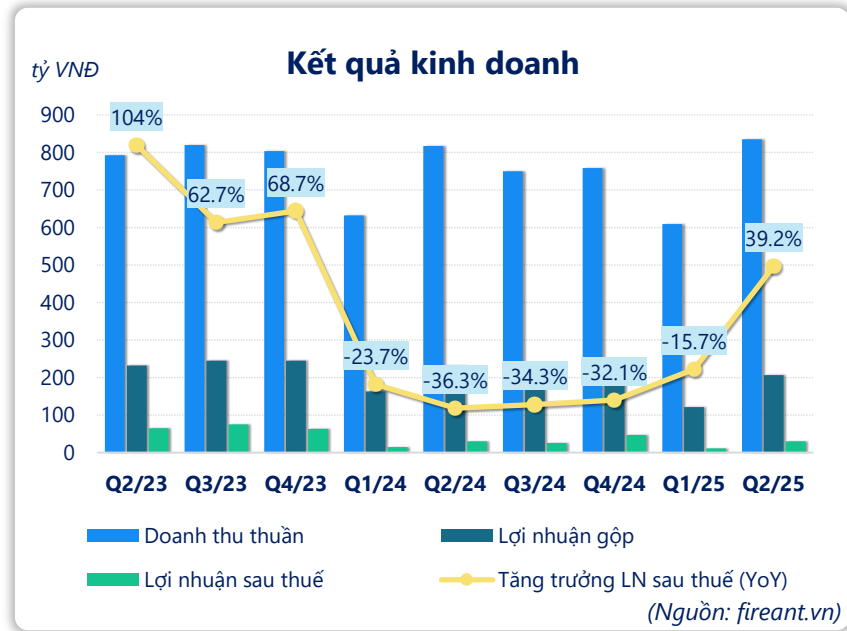


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,216
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,300
SL cổ phiếu LH		212,491,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)		182,940
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,315
P/E		41.0
EPS		380

	YTD	1T	3T	6T
VLC	-12.4%	2.6%	-10.9%	-14.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,938	6,816	1.8%
Tài sản ngắn hạn	4,111	4,077	0.8%
Tiền và tương đương tiền	593	421	40.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,711	2,989	-9.3%
Phải thu ngắn hạn	385	361	6.7%
Hàng tồn kho	376	259	45.1%
Tài sản ngắn hạn khác	45.6	47.3	-3.6%
Tài sản dài hạn	2,827	2,738	3.3%
Phải thu dài hạn	0.65	0.64	2.6%
Tài sản cố định	2,026	1,482	36.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	538	885	-39.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	173	252	-31.6%
Tài sản dài hạn khác	20.5	25.9	-21.1%
Lợi thế thương mại	68.7	92.2	-25.5%
Nợ phải trả	940	808	16.3%
Nợ ngắn hạn	837	699	19.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	228	99.0	130%
Phải trả người bán ngắn hạn	340	382	-11.0%
Nợ dài hạn	103	109	-6.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,999	6,008	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	5,999	6,008	-0.2%
Vốn điều lệ	2,125	2,125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	817	750	758	609	835
Giá vốn hàng bán	586	568	564	487	629
Lợi nhuận gộp	231	182	194	122	206
Doanh thu HĐTC	46.5	65.8	49.3	46.9	50.3
Chi phí TC	0.03	0.57	1.33	1.32	2.17
Chi phí lãi vay	0.01	0.57	1.16	1.17	1.98
LN trong công ty LKLD	-0.89	1.17	2.15	-0.14	0.25
Chi phí bán hàng	200	175	159	109	177
Chi phí QLDN	39.6	41.4	34.0	42.7	40.1
LN thuần từ HĐKD	36.7	32.1	51.2	15.7	37.2
Lợi nhuận khác	-1.42	-1.68	1.85	-0.61	-0.42
LN trước thuế	35.3	30.4	53.0	15.1	36.8
Lợi nhuận sau thuế	29.7	25.8	47.0	11.2	29.7
LNST của CĐ cty mẹ	10.6	14.8	25.2	0.91	39.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.76	96.4	137	-13.4	-17.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-738	88.6	-60.9	-60.5	172
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.3	74.2	-168	65.0	26.4
Tiền đầu kỳ	976	254	513	421	412
Lưu chuyển tiền thuần	-722	259	-92.3	-8.96	181
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	254	513	421	412	593

(Nguồn: fireant.vn)